

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước
của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14
tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP
ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của
các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 3 năm 2023 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa
đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Nội dung các bộ phận cơ bản của thủ tục hành chính được công bố không nêu trong Quyết định này, thực hiện theo Quyết định số 711/QĐ-BGDĐT ngày 13/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ Hành chính công và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Màn*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TTTT; LĐ TTPVHHC;
- Viễn thông Cao Bằng;
- Bưu điện tỉnh Cao Bằng;
- Lưu: VT, TTPVHCC^(A). *TL*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trịnh Trường Huy
Trịnh Trường Huy

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quyết định số 436 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (04 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính (mã thủ TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. (1.005144)	- Đối với cơ sở giáo dục công lập: Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập được cấp không quá 9 tháng/năm học và chi trả 2 lần trong năm: Lần 1 chi trả 4 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11; Lần 2 chi trả 5 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4. - Đối với các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế kinh phí chi trả tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với người học không	Cơ sở Giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT)	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) ; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022	- Sửa đổi, bổ sung: Thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý. - Danh mục thủ tục đã công bố tại Quyết định 03/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng..

V. Nam

TT	Tên thủ tục hành chính (mã thủ TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		quá 9 tháng/năm học đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên tại cơ sở giáo dục thường xuyên và 10 tháng/năm học đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và thực hiện chi trả cho người học 2 lần trong năm vào đầu các học kỳ của năm học cấp bù tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập được cấp không quá 9 tháng/năm học và thực hiện 2 lần trong năm: Lần 1 chi trả 4 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11; Lần 2 chi trả 5 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4.				<i>của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.</i>	
2	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn và tiền nhà ở cho học sinh được chi trả, cấp phát hằng tháng.	Cơ sở giáo dục	- Trực tiếp tại TTPVHCC; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích;	Không	- Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy	- Sửa đổi, bổ sung: Thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý. - Danh mục thủ



TT	Tên thủ tục hành chính (mã thủ TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(1.004435)	- Gạo được cấp cho học sinh theo định kỳ nhưng không quá 2 lần/học kỳ.		- Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		định chính sách hỗ trợ học sinh bán trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và học sinh trung học phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn. - <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.</i>	tục đã công bố tại Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng
3	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số (1.004436)	- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn và tiền nhà ở cho học sinh được chi trả, cấp phát hằng tháng. - Gạo được cấp cho học sinh theo định kỳ nhưng không quá 2 lần/học kỳ.	Cơ sở giáo dục	- Trực tiếp tại TTPVHCC; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý. - Danh mục thủ tục đã công bố tại Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày

TT	Tên thủ tục hành chính (mã thủ TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							18/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng
4	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người (1.002982)	- Đối với học sinh học tại các cơ sở giáo dục công lập: Thời hạn ra quyết định là 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn. - Đối với học sinh học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập: Thời hạn ra quyết định là 40 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học.	Cơ sở giáo dục	- Trực tiếp tại TTPVHCC; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.	- Sửa đổi, bổ sung: Thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý. - Danh mục thủ tục đã công bố tại Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (05 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí	- Đối với cơ sở giáo dục công lập: Kinh phí hỗ trợ	Cơ sở giáo dục	- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp	Không	- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	- Sửa đổi, bổ sung: Thành

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. (1.005144)	chi phí học tập được cấp không quá 9 tháng/năm học và chi trả 2 lần trong năm: Lần 1 chi trả 4 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11; Lần 2 chi trả 5 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4. - Đối với các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế kinh phí chi trả tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với người học không quá 9 tháng/năm học đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên tại cơ sở giáo dục thường xuyên và 10 tháng/năm học đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và thực hiện chi trả cho	mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông trực thuộc Phòng GD&ĐT, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	nhận và trả kết quả cấp huyện; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		ngày 27/8/2021 của Chính; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.	phần hồ sơ; căn cứ pháp lý. - Danh mục thủ tục đã công bố tại Quyết định 03/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.



TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		người học 2 lần trong năm vào đầu các học kỳ của năm học cấp bù tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập được cấp không quá 9 tháng/năm học và thực hiện 2 lần trong năm: Lần 1 chi trả 4 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11; Lần 2 chi trả 5 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4.					
2	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn (1.004438)	- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn và tiền nhà ở cho học sinh được chi trả, cấp phát hằng tháng. - Gạo được cấp cho học sinh theo định kỳ nhưng không quá 2 lần/học kỳ.	Cơ sở giáo dục; Phòng giáo dục và đào tạo	- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý. - Danh mục thủ tục đã công bố tại Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng Về việc công bố

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc Ngành Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
3	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người (1.003702)	- Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục công lập: Thời hạn ra quyết định là 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn. - Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập: Thời hạn ra quyết định là 40 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học.	Cơ sở giáo dục	- Trực tiếp; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.	- Sửa đổi, bổ sung: Thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý. - Danh mục thủ tục đã công bố tại Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
4	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo (1.001622)	Tối đa 24 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, UBND cấp huyện phê duyệt danh sách trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa. Việc chi trả kinh phí hỗ trợ ăn trưa được thực hiện 2 lần trong năm học do cơ sở giáo dục mầm non chi trả: lần 1 chi trả đủ 4 tháng vào tháng 11 hoặc tháng 12 hằng năm; lần 2 chi trả đủ các tháng còn lại vào tháng 3 hoặc tháng 4 hằng năm.	Cơ sở giáo dục mầm non; Phòng giáo dục và đào tạo	- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non. - <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý. - Danh mục thủ tục đã công bố tại Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng
5	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp (1.008950)	- Tối đa 24 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, UBND cấp huyện phê duyệt danh sách trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa. - Cơ sở giáo dục mầm non thực hiện chi trả 2 lần trong năm học: lần 1 chi	Cơ sở giáo dục mầm non; Phòng giáo dục và đào tạo	- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Qua Dịch vụ bưu chính công ích; - Qua Dịch vụ công trực tuyến	Không	- Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non. - <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Thành phần hồ sơ; căn cứ pháp lý. - Danh mục thủ tục đã công bố tại Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày



TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		trả đủ 4 tháng vào tháng 11 hoặc tháng 12 hằng năm; lần 2 chi trả đủ các tháng còn lại vào tháng 3 hoặc tháng 4 hằng năm.		toàn trình.		<i>ngày 21/12/2022 của Chính phủ.</i>	18/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng

Tổng số danh mục TTHC công bố:

09 TTHC

Trong đó:

- Cấp tỉnh:

04 TTHC

- Cấp huyện:

05 TTHC

Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình:

09 TTHC

Văn